

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Ngành/Nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Ngày tháng năm cấp bằng TN	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng tốt nghiệp
1	Trương Thị Ngọc ánh	24/09/1996	Nữ	Hưng Yên	Kế toán	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá		B882352	001/CBLT-2018
2	Nguyễn Thị Thùy Linh	08/06/1996	Nữ	Hưng Yên	Kế toán	Cao đẳng	Chính quy	2018	Giỏi		B882353	002/CBLT-2018
3	Phạm Thị Hồng Minh	20/01/1995	Nữ	Thái Bình	Kế toán	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá		B882354	003/CBLT-2018
4	Nguyễn Văn Nam	19/02/1993	Nam	Hưng Yên	Kế toán	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá		B882355	004/CBLT-2018
5	Trần Thị Thanh Nga	26/11/1995	Nữ	Quảng Ninh	Kế toán	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá		B882356	005/CBLT-2018
6	Nguyễn Thị Nhân	28/06/1984	Nữ	Hưng Yên	Kế toán	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá		B882357	006/CBLT-2018
7	Phạm Thị Thoa	05/09/1990	Nữ	Hưng Yên	Kế toán	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá		B882358	007/CBLT-2018
8	Hà Thị Trang	02/09/1998	Nữ	Hưng Yên	Kế toán	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá		B882359	008/CBLT-2018
9	Vũ Đình Tinh	20/10/1985	Nam	Hưng Yên	Kế toán	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá		B882360	009/CBLT-2018
10	Phạm Đức Tuyền	27/10/1996	Nam	Hưng Yên	Kế toán	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá		B882361	010/CBLT-2018
11	Trần Thái Bảo	16/08/1997	Nam	Phù Cừ - Hưng Yên	Kế toán	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá		B882283	001/CBCN-2018
12	Nguyễn Kim Cúc	14/01/1993	Nữ	Bắc Quang - Hà Giang	Kế toán	Cao đẳng	Chính quy	2018	Giỏi		B882284	002/CBCN-2018
13	Hoàng Thị Dung	14/08/1997	Nữ	Giao Thủy - Nam Định	Kế toán	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá		B882285	003/CBCN-2018
14	Phạm Thanh Dung	08/07/1997	Nữ	Tp Hưng Yên - Hưng Yên	Kế toán	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá		B882286	004/CBCN-2018
15	Phạm Thị Hà	30/12/1997	Nữ	Thái Thụy - Thái Bình	Kế toán	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá		B882287	005/CBCN-2018
16	Phan Hồng Hạnh	27/07/1996	Nữ	Mỹ Hào - Hưng Yên	Kế toán	Cao đẳng	Chính quy	2018	Giỏi		B882288	006/CBCN-2018
17	Nguyễn Thị Lê	14/03/1997	Nữ	Phù Cừ - Hưng Yên	Kế toán	Cao đẳng	Chính quy	2018	Giỏi		B882289	007/CBCN-2018
18	Nguyễn Hương Quỳnh	06/03/1996	Nữ	Đông Triều - Quảng Ninh	Kế toán	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá		B882290	008/CBCN-2018
19	Phạm Đức Tấn	17/11/1993	Nam	Yên Mỹ - Hưng Yên	Kế toán	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá		B882291	009/CBCN-2018
20	Vũ Thị Thêu	15/12/1996	Nữ	Ấn Thi - Hưng Yên	Kế toán	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá		B882292	010/CBCN-2018
21	Nguyễn Trọng Thiện	05/02/1993	Nam	Mỹ Hào - Hưng Yên	Kế toán	Cao đẳng	Chính quy	2018	Trung bình		B882293	011/CBCN-2018
22	Đào Duy Tiêm	01/10/1983	Nam	Mỹ Hào - Hưng Yên	Kế toán	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá		B882294	012/CBCN-2018
23	Dương Thu Trang	30/11/1997	Nữ	Kim Động - Hưng Yên	Kế toán	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá		B882295	013/CBCN-2018
24	Nguyễn Thị Trang	03/10/1996	Nữ	Ninh Giang - Hải Dương	Kế toán	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá		B882296	014/CBCN-2018
25	Trần Tuấn Anh	02/12/1997	Nam	Phù Cừ - Hưng Yên	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá		B882297	015/CBCN-2018
26	Lê Văn Đức	27/05/1997	Nam	Thanh Hà - Hải Dương	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá		B882298	016/CBCN-2018
27	Lê Xuân Đức	13/03/1997	Nam	Thanh Hà - Hải Dương	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá		B882351	017/CBCN-2018
28	Lê Minh Hải	19/02/1997	Nam	Hưng Yên	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá		B882300	018/CBCN-2018
29	Nguyễn ich Hiếu	09/11/1997	Nam	Văn Lâm - Hưng Yên	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá		B882301	019/CBCN-2018
30	Hà Minh Hiếu	21/12/1997	Nam	Yên Mỹ - Hưng Yên	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá		B882302	020/CBCN-2018
31	Lê Mạnh Hướng	20/02/1997	Nam	Mỹ Hào - Hưng Yên	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá		B882303	021/CBCN-2018
32	Đoàn Hải Nam	12/08/1995	Nam	Yên Khánh - Ninh Bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá		B882304	022/CBCN-2018
33	Nguyễn Công Quang	17/06/1996	Nam	Mỹ Hào - Hưng Yên	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá		B882305	023/CBCN-2018
34	Trần Văn Sứ	07/02/1997	Nam	Thuận Thành - Bắc Ninh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá		B882306	024/CBCN-2018
35	Trịnh Văn Tài	30/10/1997	Nam	Kim Bảng - Hà Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá		B882307	025/CBCN-2018
36	Chu Xuân Tiển	21/10/1997	Nam	Yên Mỹ - Hưng Yên	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá		B882308	026/CBCN-2018
37	Nguyễn Xuân Trường	01/06/1994	Nam	Mỹ Hào - Hưng Yên	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Giỏi		B882309	027/CBCN-2018
38	Nguyễn Văn Tuấn	26/09/1994	Nam	Hưng Hà - Thái Bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá		B882310	028/CBCN-2018
39	Trần Thanh Tùng	24/09/1997	Nam	Hưng Hà - Thái Bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá		B882311	029/CBCN-2018
40	Bùi Văn Vui	28/04/1997	Nam	Thanh Hà - Hải Dương	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá		B882312	030/CBCN-2018
41	Đỗ Thị Lan Anh	01/04/1997	Nữ	Thanh Hà - Hải Dương	Công nghệ may	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá		B882313	031/CBCN-2018
42	Trần Thị Thu Hân	30/05/1997	Nữ	Kim Động - Hưng Yên	Công nghệ may	Cao đẳng	Chính quy	2018	Giỏi		B882314	032/CBCN-2018
43	Đông Thị Huyền	20/07/1997	Nữ	Thanh Hà - Hải Dương	Công nghệ may	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá		B882315	033/CBCN-2018
44	Nguyễn Thị Huyền	28/06/1997	Nữ	Ấn Thi - Hưng Yên	Công nghệ may	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá		B882316	034/CBCN-2018
45	Nguyễn Thị Lê	16/10/1997	Nữ	Phù Cừ - Hưng Yên	Công nghệ may	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá		B882317	035/CBCN-2018
46	Trần Thị Liên	03/10/1997	Nữ	Tiên Lữ - Hưng Yên	Công nghệ may	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá		B882318	036/CBCN-2018
47	Thái Thị Trà My	07/10/1997	Nữ	Ấn Thi - Hưng Yên	Công nghệ may	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá		B882319	037/CBCN-2018
48	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	23/10/1997	Nữ	Thái Thụy - Thái Bình	Công nghệ may	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá		B882320	038/CBCN-2018
49	Nguyễn Thị Phụng	24/05/1997	Nữ	Nam Định	Công nghệ may	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá		B882321	039/CBCN-2018
50	Nguyễn Thị Thùy	14/01/1997	Nữ	TP Hưng Yên - Hưng Yên	Công nghệ may	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá		B882322	040/CBCN-2018

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Ngành/Nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Ngày tháng năm cấp bằng TN	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng tốt nghiệp
51	Phạm Đức Công	28/10/2000	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800154	001/TCCN-2018
52	Ngô Tiến Dũng	18/08/2000	Nam	Quảng Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800155	002/TCCN-2018
53	Trần Anh Dũng	28/03/2000	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800156	003/TCCN-2018
54	Lương Đức Dương	27/05/2000	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800157	004/TCCN-2018
55	Phạm Văn Dương	19/01/2000	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800158	005/TCCN-2018
56	Bùi Phương Đông	20/08/2000	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800159	006/TCCN-2018
57	Đổng Văn Đức	10/10/2000	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800160	007/TCCN-2018
58	Bùi Văn Hiếu	29/01/2000	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800161	008/TCCN-2018
59	Phạm Trung Hiếu	02/10/2000	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800162	009/TCCN-2018
60	Nguyễn Đình Hoan	14/06/2000	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800163	010/TCCN-2018
61	Đổng Minh Hoàng	06/03/2000	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800164	011/TCCN-2018
62	Nguyễn Trọng Huy	26/08/2000	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800165	012/TCCN-2018
63	Phan Văn Hữu	16/11/1999	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800166	013/TCCN-2018
64	Nguyễn Ngọc Long	30/08/2000	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800167	014/TCCN-2018
65	Ngô Xuân Lộc	25/10/2000	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800168	015/TCCN-2018
66	Nguyễn Văn Mạnh	19/06/2000	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800169	016/TCCN-2018
67	Trần Đức Minh	29/05/2000	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800170	017/TCCN-2018
68	Phạm Hiếu Ngân	06/10/2000	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800171	018/TCCN-2018
69	Nguyễn Đại Ồn	29/10/2000	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800172	019/TCCN-2018
70	Đặng Hồng Quân	12/10/1999	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800173	020/TCCN-2018
71	Nguyễn Đình Quyết	26/05/2000	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800174	021/TCCN-2018
72	Trần Ngọc Tân	05/05/2000	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800175	022/TCCN-2018
73	Bùi Xuân Trường	19/02/2000	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800176	023/TCCN-2018
74	Vũ Sinh Trường	09/05/2000	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800177	024/TCCN-2018
75	Đỗ Công ánh	03/04/1999	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800178	025/TCCN-2018
76	Nguyễn Mạnh Cường	24/05/2000	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800179	026/TCCN-2018
77	Đào Công Diễm	27/09/1999	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800180	027/TCCN-2018
78	Nguyễn Cảnh Dinh	19/07/2000	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800181	028/TCCN-2018
79	Phạm Văn Đại	26/05/2000	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800182	029/TCCN-2018
80	Phạm Quang Đạo	16/12/2000	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800183	030/TCCN-2018
81	Phạm Văn Đạt	16/06/2000	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800184	031/TCCN-2018
82	Phạm Minh Đoài	17/04/2000	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800185	032/TCCN-2018
83	Nguyễn Văn Hiếu	15/11/2000	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800186	033/TCCN-2018
84	Mai Trung Huy	22/11/2000	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800187	034/TCCN-2018
85	Trần Quang Huy	03/12/2000	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800188	035/TCCN-2018
86	Nguyễn Nhật Hưng	28/06/2000	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800189	036/TCCN-2018
87	Ngô Đình Liêm	01/12/2000	Nam	Hưng Hà - Thái Bình	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800190	037/TCCN-2018
88	Phạm Đức Long	09/08/2000	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800191	038/TCCN-2018
89	Lương Ngọc Mạnh	29/02/2000	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800192	039/TCCN-2018
90	Trần Anh Nhất	05/11/2000	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800193	040/TCCN-2018
91	Đoàn Mạnh Quý	02/09/2000	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800194	041/TCCN-2018
92	Phạm Văn Quyền	04/03/2000	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800195	042/TCCN-2018
93	Phạm Hồng Sơn	04/01/2000	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800196	043/TCCN-2018
94	Đào Duy Thanh	11/11/2000	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800197	044/TCCN-2018
95	An Quốc Thành	23/12/2000	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800198	045/TCCN-2018
96	Mai Đức Thắng	03/06/2000	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800199	046/TCCN-2018
97	Nguyễn Quang Thiện	28/02/2000	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800200	047/TCCN-2018
98	Trần Đức Thịnh	05/04/2000	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800201	048/TCCN-2018
99	Trần Thế Toàn	26/09/2000	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800203	049/TCCN-2018
100	Đào Mạnh Trung	23/04/2000	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800204	050/TCCN-2018

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Ngành/Nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Ngày tháng năm cấp bằng TN	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng tốt nghiệp
101	Đỗ Mạnh Tú	08/06/1999	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800205	051/TCCN-2018
102	Nguyễn Công Tú	26/11/1999	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800206	052/TCCN-2018
103	Phạm Ngọc Tuấn	10/08/2000	Nam	Tiền Lữ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800207	053/TCCN-2018
104	Hoàng Văn Anh	30/05/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800208	054/TCCN-2018
105	Nguyễn Tuấn Anh	01/01/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800209	055/TCCN-2018
106	Nguyễn Việt Anh	12/08/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800210	056/TCCN-2018
107	Đoàn Văn Chính	29/11/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800211	057/TCCN-2018
108	Vũ Văn Công	16/12/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800212	058/TCCN-2018
109	Đặng Đình Diệm	26/02/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800213	059/TCCN-2018
110	Nguyễn Văn Dũng	26/02/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800214	060/TCCN-2018
111	Cao Sỹ Đông	08/05/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800215	061/TCCN-2018
112	Hoàng Văn Đông	28/06/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800216	062/TCCN-2018
113	Trần Hữu Hà	08/03/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800217	063/TCCN-2018
114	Lê Văn Hậu	06/10/1999	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800218	064/TCCN-2018
115	Vũ Bá Hiệp	23/10/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800219	065/TCCN-2018
116	Nguyễn Bá Hiếu	03/04/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800220	066/TCCN-2018
117	Nguyễn Đình Hoàn	18/07/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800221	067/TCCN-2018
118	Đoàn Hữu Học	28/05/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800222	068/TCCN-2018
119	Nguyễn Khắc Khang	10/03/1999	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800223	069/TCCN-2018
120	Cao Văn Lâm	02/02/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800224	070/TCCN-2018
121	Trần Hữu Mạnh	08/03/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800225	071/TCCN-2018
122	Hoàng Trọng Nam	18/01/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800226	072/TCCN-2018
123	Phạm Văn Nam	04/11/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800227	073/TCCN-2018
124	Đỗ Bá Nhật	18/11/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800228	074/TCCN-2018
125	Phùng Văn Quang	14/12/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800229	075/TCCN-2018
126	Vũ Văn Quảng	01/08/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800230	076/TCCN-2018
127	Nguyễn Văn Quỳnh	23/09/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800231	077/TCCN-2018
128	Nguyễn Văn Sông	04/10/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800232	078/TCCN-2018
129	Nguyễn Thế Sơn	28/03/1999	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800233	079/TCCN-2018
130	Phạm Văn Tài	18/06/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800234	080/TCCN-2018
131	Cao Phan Tân	10/10/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800235	081/TCCN-2018
132	Trần Văn Thành	31/01/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800236	082/TCCN-2018
133	Nguyễn Vĩnh Thắng	06/09/1999	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800237	083/TCCN-2018
134	Nguyễn Bá Thiện	29/04/1997	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800238	084/TCCN-2018
135	Nguyễn Bá Thường	03/01/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800239	085/TCCN-2018
136	Nguyễn Văn Tôn	26/08/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800240	086/TCCN-2018
137	Hoàng Đình Trí	30/06/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800241	087/TCCN-2018
138	Nguyễn Văn Tú	06/10/1999	Nam	Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800242	088/TCCN-2018
139	Vũ Văn Tuấn	02/04/2000	Nam	Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800243	089/TCCN-2018
140	Trương Hữu Tụng	09/05/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800244	090/TCCN-2018
141	Hoàng Đức Anh	22/06/1999	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800245	091/TCCN-2018
142	Tổng Hoàng Anh	07/12/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800246	092/TCCN-2018
143	Nguyễn Văn Dũng	01/10/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800247	093/TCCN-2018
144	Nguyễn Quốc Duy	01/10/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800248	094/TCCN-2018
145	Vũ Xuân Đức	30/11/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800249	095/TCCN-2018
146	Lương Minh Hoàng	02/10/1999	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800250	096/TCCN-2018
147	Nguyễn Việt Hoàng	20/11/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800251	097/TCCN-2018
148	Đinh Văn Hoạt	04/10/1999	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800252	098/TCCN-2018
149	Nguyễn Khắc Huân	18/09/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800253	099/TCCN-2018
150	Nguyễn Văn Khánh	14/07/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800254	100/TCCN-2018

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Ngành/Nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Ngày tháng năm cấp bằng TN	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng tốt nghiệp
151	Phạm Quang Long	20/07/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800255	101/TCCN-2018
152	Dương Đình Luật	05/04/1999	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800256	102/TCCN-2018
153	Nguyễn Công Minh	23/08/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800257	103/TCCN-2018
154	Nguyễn Công Nghĩa	28/01/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800258	104/TCCN-2018
155	Trịnh Văn Phương	19/07/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800259	105/TCCN-2018
156	Đoàn Đức Quý	14/07/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800260	106/TCCN-2018
157	Nguyễn Văn Sóng	25/01/1999	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800261	107/TCCN-2018
158	Nguyễn Như Sơn	04/08/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800262	108/TCCN-2018
159	Đỗ Đình Thanh	13/09/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800263	109/TCCN-2018
160	Nguyễn Đình Thắng	21/09/1999	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800264	110/TCCN-2018
161	Vũ Thắng	08/12/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800265	111/TCCN-2018
162	Hà Danh Thịnh	08/03/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800266	112/TCCN-2018
163	Nguyễn Văn Toàn	09/09/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800267	113/TCCN-2018
164	Nguyễn Văn Trinh	03/09/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800268	114/TCCN-2018
165	Trịnh Văn Trung	03/01/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800269	115/TCCN-2018
166	Phạm Xuân Trường	19/08/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800270	116/TCCN-2018
167	Trịnh Văn Tuấn	30/07/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800271	117/TCCN-2018
168	Đỗ Văn Việt	12/01/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800272	118/TCCN-2018
169	Phạm Hữu Vinh	31/07/2000	Nam	Lương Tài - Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800273	119/TCCN-2018
170	Đỗ Đức Anh	10/05/2000	Nam	Văn Giang - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800274	120/TCCN-2018
171	Đặng Ngọc Anh	30/05/2000	Nam	Yên Mỹ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800275	121/TCCN-2018
172	Lưu Quang Anh	29/09/2000	Nam	Yên Mỹ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800276	122/TCCN-2018
173	Lê Tuấn Anh	23/03/2000	Nam	Yên Mỹ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800277	123/TCCN-2018
174	Đỗ Thế ánh	02/05/2000	Nam	Văn Lâm - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800278	124/TCCN-2018
175	Lê Xuân Bình	03/10/1998	Nam	Yên Mỹ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800279	125/TCCN-2018
176	Đào Văn Chí	07/06/2000	Nam	Yên Mỹ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800280	126/TCCN-2018
177	Đặng Văn Chí	27/05/2000	Nam	Văn Giang - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800281	127/TCCN-2018
178	Nguyễn Minh Chiến	27/01/2000	Nam	Văn Giang - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800282	128/TCCN-2018
179	Trương Công Chính	08/12/2000	Nam	Yên Mỹ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800283	129/TCCN-2018
180	Vũ Phương Đông	30/08/2000	Nam	Yên Mỹ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800284	130/TCCN-2018
181	Đỗ Ngọc Đức	26/03/2000	Nam	Văn Lâm - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800285	131/TCCN-2018
182	Phạm Trường Giang	11/11/2000	Nam	Hà Nội	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800286	132/TCCN-2018
183	Nguyễn Hoàng Hà	30/05/2000	Nam	Yên Mỹ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800287	133/TCCN-2018
184	Phan Trung Hiếu	10/07/2000	Nam	Mỹ Hào - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800288	134/TCCN-2018
185	Đặng Hữu	12/10/2000	Nam	Văn Lâm - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800289	135/TCCN-2018
186	Nguyễn Đức Luân	10/05/2000	Nam	Quảng Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800290	136/TCCN-2018
187	Nguyễn Văn Lực	25/06/1999	Nam	Văn Lâm - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800291	137/TCCN-2018
188	Đào Công Nghĩa	24/12/2000	Nam	Yên Mỹ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Giỏi		B800292	138/TCCN-2018
189	Phạm Văn Nhất	24/07/2000	Nam	Yên Mỹ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Giỏi		B800293	139/TCCN-2018
190	Đỗ Mạnh Quân	18/06/2000	Nam	Yên Bái	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800294	140/TCCN-2018
191	Hà Đình Thắng	03/10/2000	Nam	Yên Mỹ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Giỏi		B800295	141/TCCN-2018
192	Ngô Văn Thiện	21/05/2000	Nam	Yên Mỹ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800296	142/TCCN-2018
193	Trịnh Xuân Trường	22/10/1998	Nam	Yên Mỹ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800297	143/TCCN-2018
194	Phạm Văn Tú	19/11/2000	Nam	Yên Mỹ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800298	144/TCCN-2018
195	Đặng Xuân Tùng	05/04/2000	Nam	Văn Giang - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800299	145/TCCN-2018
196	Ngô Như ý	10/11/2000	Nam	Yên Mỹ - Hưng Yên	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800300	146/TCCN-2018
197	Trần Đình Anh	28/05/2000	Nam	Phù Cừ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800301	147/TCCN-2018
198	Trần Thị Lan Anh	02/02/2000	Nữ	Phù Cừ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800302	148/TCCN-2018
199	Nguyễn Văn Đạt	21/05/2000	Nam	Phù Cừ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800303	149/TCCN-2018
200	Phạm Thành Đức	08/09/2000	Nam	Phù Cừ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800304	150/TCCN-2018

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Ngành/Nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Ngày tháng năm cấp bằng TN	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng tốt nghiệp
201	Nguyễn Thị Hằng	21/04/2000	Nữ	Phù Cừ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800305	151/TCCN-2018
202	Nguyễn Thu Hiền	19/10/2000	Nữ	Phù Cừ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800306	152/TCCN-2018
203	Nguyễn Văn Hiếu	25/07/2000	Nam	Phù Cừ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800307	153/TCCN-2018
204	Phạm Thùy Hương	27/09/2000	Nữ	Thanh Miện - Hải Dương	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800308	154/TCCN-2018
205	Phạm Thị Khuyên	13/06/1999	Nữ	Phù Cừ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800309	155/TCCN-2018
206	Đỗ Văn Lam	16/12/2000	Nam	Phù Cừ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800310	156/TCCN-2018
207	Nguyễn Văn Lâm	15/08/2000	Nam	Phù Cừ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800311	157/TCCN-2018
208	Lê Hoàng Long	28/07/2000	Nam	Phù Cừ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800312	158/TCCN-2018
209	Hoàng Văn Mạnh	26/05/2000	Nam	Phù Cừ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800313	159/TCCN-2018
210	Mai Đức Mạnh	17/01/2000	Nam	Phù Cừ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800314	160/TCCN-2018
211	Nguyễn Thị Ngân	15/10/2000	Nữ	Phù Cừ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800315	161/TCCN-2018
212	Nguyễn Công Nguyên	28/10/2000	Nam	Phù Cừ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800316	162/TCCN-2018
213	Phạm Minh Nguyệt	01/07/2000	Nữ	Thanh Miện - Hải Dương	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800317	163/TCCN-2018
214	Hoàng Như Phong	26/10/2000	Nam	Phù Cừ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800318	164/TCCN-2018
215	Lưu Thị Phương	22/09/1999	Nữ	Phù Cừ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800319	165/TCCN-2018
216	Mai Trung Sơn	13/10/2000	Nam	Gia Lai	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800320	166/TCCN-2018
217	Vũ Đức Tài	30/09/1999	Nam	Phù Cừ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800321	167/TCCN-2018
218	Tổng Thị Minh Tâm	02/11/2000	Nữ	Phù Cừ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800322	168/TCCN-2018
219	Nguyễn Thị Thu Thảo	10/10/2000	Nữ	Đăk Nông	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800323	169/TCCN-2018
220	Mai Đức Thắng	30/07/2000	Nam	Phù Cừ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800324	170/TCCN-2018
221	Trần Duy Thìn	11/11/2000	Nam	Phù Cừ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800325	171/TCCN-2018
222	Bùi Văn Thứ	04/05/2000	Nam	Phù Cừ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800326	172/TCCN-2018
223	Hoàng Thị Thương	05/04/2000	Nữ	Phù Cừ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800327	173/TCCN-2018
224	Lương Văn Toàn	15/06/2000	Nam	Phù Cừ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800328	174/TCCN-2018
225	Trần Thị Thu Trang	20/10/2000	Nữ	Phù Cừ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800329	175/TCCN-2018
226	Nguyễn Mạnh Trường	23/08/2000	Nam	Phù Cừ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800330	176/TCCN-2018
227	Nguyễn Quang Vũ	26/08/2000	Nam	Phù Cừ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800331	177/TCCN-2018
228	Nguyễn Biển Anh	12/11/1997	Nam	Mỹ Hào - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800332	178/TCCN-2018
229	Phạm Bảo Chung	12/02/2000	Nam	Yên Mỹ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800333	179/TCCN-2018
230	Nguyễn Huy Dương	10/08/1999	Nam	Yên Mỹ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800334	180/TCCN-2018
231	Lê Văn Đức	06/11/1999	Nam	Văn Giang - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800335	181/TCCN-2018
232	Nguyễn Đức Hải	01/06/2000	Nam	Mỹ Hào - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800336	182/TCCN-2018
233	Lưu Ngọc Hiếu	27/12/1999	Nam	Yên Mỹ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800337	183/TCCN-2018
234	Nguyễn Minh Hiếu	20/07/2000	Nam	Yên Mỹ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Giỏi		B800338	184/TCCN-2018
235	Nguyễn Văn Hiếu	29/02/2000	Nam	Yên Mỹ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800339	185/TCCN-2018
236	Lê Quang Hùng	27/09/2000	Nam	Yên Mỹ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800340	186/TCCN-2018
237	Chu Văn Long	30/08/2000	Nam	Yên Mỹ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Giỏi		B800341	187/TCCN-2018
238	Nguyễn Việt Lộc	31/05/2000	Nam	Yên Mỹ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800342	188/TCCN-2018
239	Lê Đức Lợi	17/05/2000	Nam	Yên Mỹ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800343	189/TCCN-2018
240	Chu Thị Luyến	04/04/2000	Nữ	Yên Mỹ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Giỏi		B800344	190/TCCN-2018
241	Đỗ Thế Mạnh	20/09/2000	Nam	Yên Mỹ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800345	191/TCCN-2018
242	Nguyễn Khánh Minh	04/12/2000	Nam	Yên Mỹ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800346	192/TCCN-2018
243	Phạm Hồng Nghiêm	04/09/2000	Nam	Mỹ Hào - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800347	193/TCCN-2018
244	Trần Long Nhật	07/07/1999	Nam	Yên Mỹ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800348	194/TCCN-2018
245	Nguyễn Văn Phong	22/10/2000	Nam	Yên Mỹ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800349	195/TCCN-2018
246	Lê Hồng Phúc	08/10/2000	Nam	Yên Mỹ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800350	196/TCCN-2018
247	Trương Đăng Sơn	02/10/2000	Nam	Yên Mỹ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800351	197/TCCN-2018
248	Chu Đình Tam	06/01/2000	Nam	Yên Mỹ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800352	198/TCCN-2018
249	Nguyễn Ngọc Thành	27/11/1999	Nam	Yên Mỹ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800353	199/TCCN-2018
250	Lê Đức Thắng	30/08/2000	Nam	Yên Mỹ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800354	200/TCCN-2018

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Ngành/Nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Ngày tháng năm cấp bằng TN	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng tốt nghiệp
251	Lê Quang Thuận	02/10/2000	Nam	Yên Mỹ - Hưng Yên	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình khá		B800355	201/TCCN-2018
252	Đỗ Thị Hằng	28/11/2000	Nữ	Yên Mỹ - Hưng Yên	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800356	202/TCCN-2018
253	Phạm Minh Hiền	13/11/2000	Nữ	Mỹ Hào - Hưng Yên	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800357	203/TCCN-2018
254	Hà Thị Hợp	13/07/2000	Nữ	Yên Mỹ - Hưng Yên	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800358	204/TCCN-2018
255	Nguyễn Thị Huyền	31/08/2000	Nữ	Khoái Châu - Hưng Yên	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Giỏi		B800359	205/TCCN-2018
256	Chu Thị Ngà	19/06/2000	Nữ	Văn Giang - Hưng Yên	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Giỏi		B800360	206/TCCN-2018
257	Đỗ Thị Quyên	23/03/2000	Nữ	Yên Mỹ - Hưng Yên	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Giỏi		B800361	207/TCCN-2018
258	Lưu Thị Thủy	25/04/2000	Nữ	Yên Mỹ - Hưng Yên	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Giỏi		B800362	208/TCCN-2018
259	Đỗ Thị Thủy Tiên	25/12/2000	Nữ	Yên Mỹ - Hưng Yên	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800363	209/TCCN-2018
260	Phan Thị Huyền Trang	06/03/2000	Nữ	Văn Giang - Hưng Yên	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800364	210/TCCN-2018
261	Nguyễn Thị Kim Anh	16/12/1999	Nữ	Lương Tài - Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800365	211/TCCN-2018
262	Nguyễn Thị Ngọc ánh	09/12/2000	Nữ	Lương Tài - Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800366	212/TCCN-2018
263	Nguyễn Thị Biên	15/06/2000	Nữ	Lương Tài - Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800367	213/TCCN-2018
264	Ngô Thị Cúc	13/09/2000	Nữ	Lương Tài - Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800368	214/TCCN-2018
265	Ngô Thị Dung	23/09/2000	Nữ	Lương Tài - Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800369	215/TCCN-2018
266	Nguyễn Thị Hà	06/12/2000	Nữ	Lương Tài - Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800370	216/TCCN-2018
267	Vũ Thị Hà	12/08/2000	Nữ	Lương Tài - Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800371	217/TCCN-2018
268	Đỗ Việt Hà	17/09/2000	Nữ	Lương Tài - Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800372	218/TCCN-2018
269	Phạm Thị Hoài	07/10/2000	Nữ	Lương Tài - Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800373	219/TCCN-2018
270	Trình Thị Huệ	13/02/2000	Nữ	Lương Tài - Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800374	220/TCCN-2018
271	Đỗ Khánh Huyền	26/02/2000	Nữ	Lương Tài - Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800375	221/TCCN-2018
272	Nguyễn Thị Mai Hương	07/07/2000	Nữ	Lương Tài - Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800376	222/TCCN-2018
273	Tạ Thị Hương	27/01/2000	Nữ	Lương Tài - Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800377	223/TCCN-2018
274	Hà Thị Linh Hường	09/11/2000	Nữ	Lương Tài - Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800378	224/TCCN-2018
275	Nguyễn Thị Hường	13/10/2000	Nữ	Lương Tài - Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800379	225/TCCN-2018
276	Nguyễn Thị Hường	21/10/2000	Nữ	Lương Tài - Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800380	226/TCCN-2018
277	Đinh Thị Lan	27/11/2000	Nữ	Lương Tài - Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800381	227/TCCN-2018
278	Phùng Thị Lâm	13/10/1998	Nữ	Lương Tài - Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800382	228/TCCN-2018
279	Phạm Thị Linh	18/01/2000	Nữ	Lương Tài - Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800383	229/TCCN-2018
280	Nguyễn Tuyết Mai	22/11/2000	Nữ	Lương Tài - Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800384	230/TCCN-2018
281	Nguyễn Thị Nga	18/08/2000	Nữ	Lương Tài - Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800385	231/TCCN-2018
282	Nguyễn Thị Thủy Nga	01/06/2000	Nữ	Gia Bình - Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800386	232/TCCN-2018
283	Lương Thị Ngân	22/03/2000	Nữ	Lương Tài - Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800387	233/TCCN-2018
284	Ngô Thị Oanh	25/04/2000	Nữ	Lương Tài - Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800388	234/TCCN-2018
285	Nguyễn Thị Minh Phương	16/09/2000	Nữ	Lương Tài - Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800389	235/TCCN-2018
286	Nguyễn Thị Quyên	07/10/2000	Nữ	Lương Tài - Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800390	236/TCCN-2018
287	Nguyễn Thị Quyên	19/10/2000	Nữ	Gia Bình - Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800391	237/TCCN-2018
288	Nguyễn Thị Sao	21/08/1999	Nữ	Lương Tài - Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800392	238/TCCN-2018
289	Đặng Thị Thanh	12/05/2000	Nữ	Lương Tài - Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800393	239/TCCN-2018
290	Nguyễn Thị Thu Thảo	24/09/2000	Nữ	Lương Tài - Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Giỏi		B800394	240/TCCN-2018
291	Nguyễn Thị Thu	24/06/2000	Nữ	Lương Tài - Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800395	241/TCCN-2018
292	Nguyễn Thị Thủy	08/10/2000	Nữ	Lương Tài - Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800396	242/TCCN-2018
293	Ngô Thị Thụy	18/03/2000	Nữ	Lương Tài - Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800397	243/TCCN-2018
294	Đoàn Thị Thương	09/12/2000	Nữ	Lương Tài - Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Giỏi		B800398	244/TCCN-2018
295	Bùi Thị Tiên	08/07/2000	Nữ	Lương Tài - Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800399	245/TCCN-2018
296	Ngô Thị Trang	15/04/2000	Nữ	Lương Tài - Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800400	246/TCCN-2018
297	Nguyễn Thị Trang	07/10/2000	Nữ	Lương Tài - Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800401	247/TCCN-2018
298	Nguyễn Thị Thu Trang	09/12/2000	Nữ	Lương Tài - Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800402	248/TCCN-2018
299	Ngô Thị Uyên	07/03/2000	Nữ	Lương Tài - Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800403	249/TCCN-2018
300	Nguyễn Thị Xuân	13/09/1999	Nữ	Lương Tài - Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800404	250/TCCN-2018

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Ngành/Nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Ngày tháng năm cấp bằng TN	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng tốt nghiệp
301	Vũ Thị Xuyên	25/11/2000	Nữ	Lương Tài - Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800405	251/TCCN-2018
302	Nguyễn Ngọc Quang	10/09/1996	Nam	Văn Lâm - Hưng Yên	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá		B800406	252/TCCN-2018
303	Đào Đức Hùng	30/10/1996	Nam	Bắc Ninh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá	06/11/2018	B882362	611/CBLT-CS2
304	Nguyễn Văn Hưng	22/05/1997	Nam	Bắc Ninh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá	06/11/2018	B882363	612/CBLT-CS2
305	Trần Thế Khôi	23/11/1996	Nam	Bắc Ninh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Trung bình	06/11/2018	B882364	613/CBLT-CS2
306	Nguyễn Tiến Phương	18/01/1996	Nam	Bắc Ninh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Trung bình	06/11/2018	B882365	614/CBLT-CS2
307	Hán Lý Quý	08/06/1996	Nam	Bắc Ninh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá	06/11/2018	B882366	615/CBLT-CS2
308	Nguyễn Đình Tùng	02/02/1996	Nam	Bắc Ninh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá	06/11/2018	B882282	616/CBLT-CS2
309	Nguyễn Văn Sơn	05/09/1998	Nam	Bắc Ninh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá	06/11/2018	B882368	617/CBLT-CS2
310	Nguyễn Văn Bảo	06/09/1996	Nam	Bắc Ninh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Trung bình	30/7/2018	B882323	1047/CĐCN-CS2
311	Nguyễn Thành Đức	08/06/1997	Nam	Bắc Ninh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá	30/7/2018	B882324	1048/CĐCN-CS2
312	Khương Quang Khải	17/04/1997	Nam	Bắc Ninh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá	30/7/2018	B882325	1049/CĐCN-CS2
313	Quách Ngọc Khoa	28/08/1997	Nam	Bắc Ninh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Trung bình	30/7/2018	B882326	1050/CĐCN-CS2
314	Nguyễn Thế Mạnh	17/05/1997	Nam	Bắc Ninh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá	30/7/2018	B882327	1051/CĐCN-CS2
315	Nguyễn Văn Nam	15/10/1997	Nam	Bắc Ninh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá	30/7/2018	B882328	1052/CĐCN-CS2
316	Nguyễn Xuân Khánh Nam	12/04/1997	Nam	Bắc Ninh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Trung bình	30/7/2018	B882329	1053/CĐCN-CS2
317	Dương Đức Sỹ	28/11/1997	Nam	Bắc Ninh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Trung bình	30/7/2018	B882330	1054/CĐCN-CS2
318	Nguyễn Hữu Thắng	07/07/1997	Nam	Bắc Ninh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá	30/7/2018	B882331	1055/CĐCN-CS2
319	Nguyễn Phương Tinh	20/10/1997	Nam	Bắc Ninh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Trung bình	30/7/2018	B882332	1056/CĐCN-CS2
320	Nguyễn ịch Toàn	15/03/1997	Nam	Bắc Ninh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá	30/7/2018	B882333	1057/CĐCN-CS2
321	Chu Đình Tú	07/02/1997	Nam	Bắc Ninh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá	30/7/2018	B882334	1058/CĐCN-CS2
322	Ngô Đình Tùng	21/11/1997	Nam	Bắc Ninh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Trung bình	30/7/2018	B882335	1059/CĐCN-CS2
323	Vũ Huy Hoàng	24/01/1996	Nam	Bắc Ninh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Trung bình	30/7/2018	B882336	1060/CĐCN-CS2
324	Thang Văn Đức	22/08/1996	Nam	Bắc Ninh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Trung bình	30/7/2018	B882337	1061/CĐCN-CS2
325	Nguyễn Hữu Giang	21/07/1997	Nam	Bắc Ninh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Trung bình	30/7/2018	B882338	1062/CĐCN-CS2
326	Nguyễn Gia Hà	03/02/1997	Nam	Bắc Ninh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Trung bình	30/7/2018	B882339	1063/CĐCN-CS2
327	Đào Văn Hoàng	28/12/1997	Nam	Bắc Ninh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá	30/7/2018	B882340	1064/CĐCN-CS2
328	Nguyễn Phú Lương	14/01/1997	Nam	Bắc Ninh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá	30/7/2018	B882341	1065/CĐCN-CS2
329	Nguyễn Hoàng Nam	28/01/1997	Nam	Bắc Ninh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá	30/7/2018	B882342	1066/CĐCN-CS2
330	Nguyễn Văn Nam	12/10/1997	Nam	Bắc Ninh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Trung bình	30/7/2018	B882343	1067/CĐCN-CS2
331	Phạm Công Sơn Nam	22/05/1997	Nam	Bắc Giang	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá	30/7/2018	B882344	1068/CĐCN-CS2
332	Lê Nguyên Quang	05/11/1997	Nam	Bắc Ninh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá	30/7/2018	B882345	1069/CĐCN-CS2
333	Nguyễn Thị Quang	17/06/1997	Nam	Bắc Ninh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá	30/7/2018	B882346	1070/CĐCN-CS2
334	Nguyễn Hữu Sơn	18/10/1997	Nam	Bắc Ninh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Khá	30/7/2018	B882347	1071/CĐCN-CS2
335	Hoàng Đình Tiến	14/01/1997	Nam	Bắc Ninh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Trung bình	30/7/2018	B882348	1072/CĐCN-CS2
336	Dương Quốc Đạt	05/07/1996	Nam	Bắc Ninh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Trung bình	30/7/2018	B882349	1073/CĐCN-CS2
337	Nguyễn Bá Tùng	18/05/1996	Nam	Bắc Ninh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng	Chính quy	2018	Trung bình	30/7/2018	B882350	1074/CĐCN-CS2
338	Nguyễn Văn Chiến	19/11/2000	Nam	Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	30/7/2018	B800407	28083
339	Trần Văn Đạt	15/01/1999	Nam	Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	30/7/2018	B800408	28084
340	Nguyễn Khánh Duy	02/09/2000	Nam	Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	30/7/2018	B800409	28085
341	Nguyễn Văn Hiếu	12/10/2000	Nam	Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	30/7/2018	B800410	28086
342	Phạm Văn Hiếu	21/07/2000	Nam	Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	30/7/2018	B800411	28087
343	Nguyễn Công Hùng	26/02/1999	Nam	Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	30/7/2018	B800412	28088
344	Nguyễn Đình Hưng	24/09/2000	Nam	Nghệ An	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	30/7/2018	B800413	28089
345	Nguyễn Đức Hường	29/09/2000	Nam	Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	30/7/2018	B800414	28090
346	Nguyễn Duy Khánh	21/08/2000	Nam	Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	30/7/2018	B800415	28091
347	Nguyễn Dương Long	06/11/2000	Nam	Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	30/7/2018	B800416	28092
348	Lê Đức Mạnh	01/09/2000	Nam	Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	30/7/2018	B800417	28093
349	Nguyễn Duy Mạnh	15/01/1998	Nam	Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	30/7/2018	B800418	28094
350	Đỗ Hồng Minh	04/03/2000	Nam	Thái Bình	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	30/7/2018	B800419	28095

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Ngành/Nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Ngày tháng năm cấp bằng TN	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng tốt nghiệp
351	Vũ Hoàng Minh	11/06/2000	Nam	Hải Dương	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	30/7/2018	B800420	28096
352	Nguyễn Văn Thiêm	06/01/2000	Nam	Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	30/7/2018	B800421	28097
353	Nguyễn Tiến Thiện	20/10/1999	Nam	Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	30/7/2018	B800422	28098
354	Nguyễn Khắc Tuấn	22/09/2000	Nam	Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	30/7/2018	B800423	28099
355	Nguyễn Hữu Việt	01/04/2000	Nam	Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	30/7/2018	B800424	28100
356	Nguyễn Văn Phi	06/08/1999	Nam	Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	30/7/2018	B800425	28101
357	Ứng Sỹ Sự	29/09/1999	Nam	Bắc Ninh	Điện công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	30/7/2018	B800426	28102
358	Chu Thị Lan Anh	12/01/2000	Nữ	Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	30/7/2018	B800427	28103
359	Ngô Thị Hằng	10/11/2000	Nữ	Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	30/7/2018	B800428	28104
360	Nguyễn Thị Hạnh	07/09/1999	Nữ	Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	30/7/2018	B800429	28105
361	Nguyễn Phương Linh	18/04/2000	Nữ	Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	30/7/2018	B800430	28106
362	Ngô Thị Nga	17/03/2000	Nữ	Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	30/7/2018	B800431	28107
363	Nguyễn Thị Kim Nhung	10/05/2000	Nữ	Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	30/7/2018	B800432	28108
364	Đàm Thị Kiều Oanh	11/08/2000	Nữ	Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	30/7/2018	B800433	28109
365	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	22/11/2000	Nữ	Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	30/7/2018	B800434	28110
366	Nguyễn Hoàng Phương Thanh	31/12/2000	Nữ	Bắc Ninh	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	30/7/2018	B800435	28111
367	Dương Thị Thỏa	23/02/1994	Nữ	Hà Nội	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Giỏi	30/7/2018	B800436	28112
368	Đặng Tuấn Anh	21/09/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001629	001/TCN-2018
369	Vũ Quang Anh	20/06/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001630	002/TCN-2018
370	Hoàng Thị Thu Hà	08/03/2000	Nữ	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Giỏi	15/06/2018	A0001631	003/TCN-2018
371	Đặng Đức Hiệp	12/03/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001632	004/TCN-2018
372	Chu Mạnh Hiếu	11/06/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001633	005/TCN-2018
373	Lê Minh Hiếu	02/07/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Giỏi	15/06/2018	A0001634	006/TCN-2018
374	Nguyễn Trung Hiếu	08/09/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001635	007/TCN-2018
375	Nguyễn Hữu Hoàng	15/11/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001636	008/TCN-2018
376	Nguyễn Văn Hùng	05/06/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001637	009/TCN-2018
377	Vũ Văn Hùng	12/12/1999	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001638	010/TCN-2018
378	Nguyễn Văn Huy	26/11/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001639	011/TCN-2018
379	Vũ Quang Huy	02/02/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001640	012/TCN-2018
380	Đào Văn Khánh	14/10/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001641	013/TCN-2018
381	Nguyễn Đức Kiểm	17/10/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Giỏi	15/06/2018	A0001642	014/TCN-2018
382	Doãn Văn Linh	09/02/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001643	015/TCN-2018
383	Nguyễn Văn Linh	01/11/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001644	016/TCN-2018
384	Nguyễn Hoàng Long	24/08/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001645	017/TCN-2018
385	Đinh Hải Ninh	22/05/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001646	018/TCN-2018
386	Nguyễn Đạt Phúc	13/11/1999	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001647	019/TCN-2018
387	Phạm Ngọc Phước	10/08/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001648	020/TCN-2018
388	Nguyễn Văn Quyền	04/04/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001649	021/TCN-2018
389	Trương Duy Tân	27/04/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001650	022/TCN-2018
390	Lê Đức Thành	26/08/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001651	023/TCN-2018
391	Nguyễn Minh Tiếp	02/04/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001652	024/TCN-2018
392	Nguyễn Huy Toàn	10/10/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001653	025/TCN-2018
393	Nguyễn Văn Trường	29/02/2000	Nam	Bắc Giang	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001654	026/TCN-2018
394	Nguyễn Văn Tuấn	21/03/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001655	027/TCN-2018
395	Nguyễn Đức Việt	11/03/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001656	028/TCN-2018
396	Phạm Quốc Việt	17/10/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001657	029/TCN-2018
397	Bùi Quang Vinh	03/12/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001658	030/TCN-2018
398	Ngô Văn Chuyên	05/02/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001659	031/TCN-2018
399	Trần Thị Kim Cúc	15/02/1999	Nữ	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001660	032/TCN-2018
400	Lê Minh Cường	26/04/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001661	033/TCN-2018

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Ngành/Nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Ngày tháng năm cấp bằng TN	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng tốt nghiệp
401	Lê Xuân Dũng	16/06/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001662	034/TCN-2018
402	Đặng Thanh Duy	06/07/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001663	035/TCN-2018
403	Hoàng Quốc Đạt	16/07/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001664	036/TCN-2018
404	Ngô Tiến Đạt	19/04/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001665	037/TCN-2018
405	Lê Phương Đông	24/06/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001666	038/TCN-2018
406	Lê Huỳnh Đức	15/01/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001667	039/TCN-2018
407	Lê Văn Đức	30/07/1999	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Giỏi	15/06/2018	A0001668	040/TCN-2018
408	Chu Văn Hải	23/10/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001669	041/TCN-2018
409	Nguyễn Văn Hiến	03/06/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001670	042/TCN-2018
410	Nguyễn Minh Hoàn	26/05/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001671	043/TCN-2018
411	Chu Huy Hoàng	01/03/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001672	044/TCN-2018
412	Nguyễn Huy Hoàng	05/02/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001673	045/TCN-2018
413	Nguyễn Việt Hoàng	26/10/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001674	046/TCN-2018
414	Đàm Phi Hùng	12/07/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001675	047/TCN-2018
415	Nguyễn Mạnh Hùng	31/10/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001676	048/TCN-2018
416	Bùi Quang Huy	30/05/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001677	049/TCN-2018
417	Trịnh Duy Long	11/08/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001678	050/TCN-2018
418	Nguyễn Văn Nhất	14/08/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001679	051/TCN-2018
419	Phan Chí Nhất	03/10/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001680	052/TCN-2018
420	Đàm Hoàng Phong	25/05/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001681	053/TCN-2018
421	Lê Hoàng Phúc	07/09/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001682	054/TCN-2018
422	Đào Minh Quân	10/09/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001683	055/TCN-2018
423	Thiều Văn Tài	15/12/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001684	056/TCN-2018
424	Đàm Đức Thắng	29/04/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001685	057/TCN-2018
425	Nguyễn Đức Thắng	30/12/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001686	058/TCN-2018
426	Nguyễn Văn Thuật	17/02/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001687	059/TCN-2018
427	Lê Anh Tiến	08/10/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001688	060/TCN-2018
428	Lê Kiên Trung	26/11/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001689	061/TCN-2018
429	Nguyễn Khắc Tuấn	26/08/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001690	062/TCN-2018
430	Nguyễn Tuấn Anh	08/05/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001691	063/TCN-2018
431	Đỗ Quốc Doanh	04/05/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Giỏi	15/06/2018	A0001692	064/TCN-2018
432	Nguyễn Duy Dương	15/11/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001693	065/TCN-2018
433	Hoàng Quốc Đại	02/11/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001694	066/TCN-2018
434	Lý Hoàng Đức	16/10/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001695	067/TCN-2018
435	Nguyễn Hoàng Hiệp	28/09/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001696	068/TCN-2018
436	Nguyễn Mạnh Hiếu	15/03/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001697	069/TCN-2018
437	Đỗ Tiến Hùng	05/01/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001698	070/TCN-2018
438	Hà Hào Hùng	11/01/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001699	071/TCN-2018
439	Đỗ Văn Hưng	25/04/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001700	072/TCN-2018
440	Nguyễn Khuyến	16/09/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001701	073/TCN-2018
441	Đàm Quang Linh	15/09/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001702	074/TCN-2018
442	Phan Tiến Lực	03/03/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001703	075/TCN-2018
443	Phạm Hoài Nam	12/07/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001704	076/TCN-2018
444	Trương Tam Phong	26/09/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001705	077/TCN-2018
445	Vũ Quang Sơn	18/09/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001706	078/TCN-2018
446	Nguyễn Văn Thịnh	22/04/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Giỏi	15/06/2018	A0001707	079/TCN-2018
447	Nguyễn Mạnh Thuận	26/09/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001708	080/TCN-2018
448	Lê Anh Tú	27/12/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001709	081/TCN-2018
449	Cao Xuân Tùng	01/06/2000	Nam	Hưng Yên	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001710	082/TCN-2018
450	Lý Thị Hải Anh	20/06/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001711	083/TCN-2018

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Ngành/Nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Ngày tháng năm cấp bằng TN	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng tốt nghiệp
451	Chu Thị Lan Anh	30/07/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001712	084/TCN-2018
452	Lê Thị Ngọc ánh	23/09/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001713	085/TCN-2018
453	Hoàng Thị Cúc	29/11/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001714	086/TCN-2018
454	Nguyễn Thị Hương Giang	06/05/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001715	087/TCN-2018
455	Lê Thị Thu Hà	26/12/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001716	088/TCN-2018
456	Nguyễn Thu Hà	13/10/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001717	089/TCN-2018
457	Nguyễn Thanh Hiền	18/02/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001718	090/TCN-2018
458	Lê Phương Hoa	13/10/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001719	091/TCN-2018
459	Chữ Mạnh Hùng	12/07/2000	Nam	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001720	092/TCN-2018
460	Đỗ Thủy Hương	02/08/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001721	093/TCN-2018
461	Phan Thị Ngọc Lan	16/03/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001722	094/TCN-2018
462	Nguyễn Thị Lê Mai	06/05/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001723	095/TCN-2018
463	Lê Thị My	09/10/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001724	096/TCN-2018
464	Đỗ Thị Thu Phương	17/06/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001725	097/TCN-2018
465	Nguyễn Thị Hồng Thắm	26/08/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001726	098/TCN-2018
466	Võ Thị Thanh Trà	18/10/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001727	099/TCN-2018
467	Cao Thị Quỳnh Trang	22/11/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001728	100/TCN-2018
468	Phạm Thị Vân	22/12/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001729	101/TCN-2018
469	Vũ Xuân Vương	29/09/2000	Nam	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001730	102/TCN-2018
470	Doãn Thị Thu An	19/02/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001731	103/TCN-2018
471	Trịnh Hải Anh	28/12/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001732	104/TCN-2018
472	Chu Thị Kim Anh	08/08/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001733	105/TCN-2018
473	Lê Thùy Anh	09/12/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001734	106/TCN-2018
474	Phạm Thị Vân Anh	06/12/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001735	107/TCN-2018
475	Hoàng Thị Mỹ Duyên	24/12/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001736	108/TCN-2018
476	Nguyễn Như Gió	05/02/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001737	109/TCN-2018
477	Hoàng Thị Hà	04/09/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001738	110/TCN-2018
478	Nguyễn Thị Thu Hà	14/06/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001739	111/TCN-2018
479	Đỗ Thị Hồng Hạnh	23/12/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001740	112/TCN-2018
480	Lê Thị Hoa	10/10/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001741	113/TCN-2018
481	Nguyễn Thị Thu Hương	26/04/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001742	114/TCN-2018
482	Nguyễn Thị Thu Hương	16/01/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001743	115/TCN-2018
483	Doãn Thị Nam Khang	22/08/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001744	116/TCN-2018
484	Vũ Nguyễn Thanh Lam	23/01/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001745	117/TCN-2018
485	Đặng Thị Loan	19/11/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001746	118/TCN-2018
486	Trương Thị Bình Nguyên	29/03/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001747	119/TCN-2018
487	Nguyễn Thị Phương	07/10/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001748	120/TCN-2018
488	Phạm Thị Diễm Quỳnh	20/09/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001749	121/TCN-2018
489	Đào Thủy Quỳnh	21/05/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001750	122/TCN-2018
490	Hoàng Thị Thơm	12/07/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001751	123/TCN-2018
491	Đào Thanh Thủy	06/08/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001752	124/TCN-2018
492	Nguyễn Thị Vân	15/04/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001753	125/TCN-2018
493	Nguyễn Hải Yến	09/10/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001754	126/TCN-2018
494	Nguyễn Thị Hải Yến	21/09/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001755	127/TCN-2018
495	Trịnh Hải Yến	24/09/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001756	128/TCN-2018
496	Nguyễn Thị Lan Anh	22/11/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001757	129/TCN-2018
497	Trần Thị Thu Huệ	01/08/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001758	130/TCN-2018
498	Đỗ Thị Huệ	15/01/1999	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001759	131/TCN-2018
499	Lê Thị Thanh Huyền	17/03/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001760	132/TCN-2018
500	Đặng Thị Hương	29/11/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001761	133/TCN-2018

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Ngành/Nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Ngày tháng năm cấp bằng TN	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng tốt nghiệp
501	Đặng Thị Phương Lan	07/11/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001762	134/TCN-2018
502	Vũ Tùng Lâm	03/04/2000	Nữ	Gia Lai	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001763	135/TCN-2018
503	Nguyễn Thị Mỹ Linh	15/10/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001764	136/TCN-2018
504	Vũ Khánh Ly	08/02/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001765	137/TCN-2018
505	Đặng Thảo Ly	25/10/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001766	138/TCN-2018
506	Đặng Thị Hà My	19/03/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001767	139/TCN-2018
507	Trần Thị Bích Ngọc	10/03/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001768	140/TCN-2018
508	Luyện Thị Minh Nguyệt	06/08/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001769	141/TCN-2018
509	Vũ Thị Oanh	04/04/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001770	142/TCN-2018
510	Đoàn Thị Thủy Quỳnh	18/11/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001771	143/TCN-2018
511	Nguyễn Phương Thảo	06/11/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001772	144/TCN-2018
512	Lưu Thị Thảo	11/12/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001773	145/TCN-2018
513	Lê Thị Thanh Thủy	25/04/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001774	146/TCN-2018
514	Trần Thị Thương	02/07/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001775	147/TCN-2018
515	Lưu Thị Huyền Trang	28/10/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001776	148/TCN-2018
516	Hoàng Thu Trang	03/08/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001777	149/TCN-2018
517	Lưu Đình Trường	20/11/2000	Nam	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình	15/06/2018	A0001778	150/TCN-2018
518	Ngô Thị Tú Anh	25/06/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001779	151/TCN-2018
519	Nguyễn Khương Duy	16/12/2000	Nam	Hà Nội	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình	15/06/2018	A0001780	152/TCN-2018
520	Nguyễn Thị Hường	26/02/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001781	153/TCN-2018
521	Nguyễn Hoài Như Phương	24/02/2000	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001782	154/TCN-2018
522	Lưu Thị Lệ Quyên	21/03/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001783	155/TCN-2018
523	Nguyễn Thị Hoài Thanh	29/07/2000	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001784	156/TCN-2018
524	Phạm Thị Thảo	09/07/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001785	157/TCN-2018
525	Phạm Thị Thùy	02/02/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001786	158/TCN-2018
526	Ngô Thị Thủy	27/02/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001787	159/TCN-2018
527	Nguyễn Thị Thương	29/09/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001788	160/TCN-2018
528	Đỗ Thị Trang	13/06/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001789	161/TCN-2018
529	Nguyễn Thị Thùy Trang	20/04/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001790	162/TCN-2018
530	Lưu Đức Trung	24/03/2000	Nam	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình	15/06/2018	A0001791	163/TCN-2018
531	Luyện Viết Tuấn	24/01/2000	Nam	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình	15/06/2018	A0001792	164/TCN-2018
532	Lưu Thị Xuân	07/12/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001793	165/TCN-2018
533	Nguyễn Đình Cường	04/07/1998	Nam	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình	15/06/2018	A0001794	166/TCN-2018
534	Lưu Huy Đoàn	11/06/2000	Nam	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình	15/06/2018	A0001795	167/TCN-2018
535	Nguyễn Thị Hiền	04/08/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001796	168/TCN-2018
536	Lê Văn Hiếu	14/08/1999	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình	15/06/2018	A0001797	169/TCN-2018
537	Đỗ Ngọc Lâm	14/07/1999	Nam	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001798	170/TCN-2018
538	Nguyễn Ngọc Linh	19/09/2000	Nam	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình	15/06/2018	A0001799	171/TCN-2018
539	Hoàng Văn Long	15/05/2000	Nam	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình	15/06/2018	A0001800	172/TCN-2018
540	Nguyễn Thị Lý	16/05/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001801	173/TCN-2018
541	Phạm Thị Thanh Nhân	09/11/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001802	174/TCN-2018
542	Lê Thị Ninh	03/11/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001803	175/TCN-2018
543	Nguyễn Đạt Quang	20/09/2000	Nam	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình	15/06/2018	A0001804	176/TCN-2018
544	Phạm Như Quỳnh	25/07/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001805	177/TCN-2018
545	Lê Thị Thóa	18/01/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001806	178/TCN-2018
546	Đoàn Thị Thủy	03/04/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001807	179/TCN-2018
547	Đào Đức Toàn	29/06/2000	Nam	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001808	180/TCN-2018
548	Hoàng Thị Trang	06/12/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình	15/06/2018	A0001809	181/TCN-2018
549	Trương Thị Hải Yến	06/10/1999	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình	15/06/2018	A0001810	182/TCN-2018
550	Vũ Việt Chinh	24/04/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001811	183/TCN-2018

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Ngành/Nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Ngày tháng năm cấp bằng TN	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng tốt nghiệp
551	Mai Thị Hậu	01/02/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001812	184/TCN-2018
552	Nguyễn Thị Lê	13/05/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001813	185/TCN-2018
553	Đặng Thị Nga	04/07/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình	15/06/2018	A0001814	186/TCN-2018
554	Phạm Thị Nhung	30/08/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001815	187/TCN-2018
555	Nguyễn Thị Thao	15/11/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001816	188/TCN-2018
556	Hoa Thị Thắm	09/10/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001817	189/TCN-2018
557	Trịnh Thị Thu	03/08/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001818	190/TCN-2018
558	Lê Thị Thùy	05/11/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001819	191/TCN-2018
559	Nguyễn Thị Thúy	21/10/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001820	192/TCN-2018
560	Hoàng Thị Khánh Trang	17/09/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình	15/06/2018	A0001821	193/TCN-2018
561	Trần Thị Tươi	09/11/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001822	194/TCN-2018
562	Nguyễn Như Hoàng Anh	24/09/2000	Nam	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001823	195/TCN-2018
563	Vũ Thị Vân Anh	15/01/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001824	196/TCN-2018
564	Trần Văn Bình	23/03/2000	Nam	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001825	197/TCN-2018
565	Phạm Văn Cường	06/05/2000	Nam	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001826	198/TCN-2018
566	Phạm Thị Dung	04/12/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001827	199/TCN-2018
567	Vũ Xuân Hà	23/05/2000	Nam	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình	15/06/2018	A0001828	200/TCN-2018
568	Trần Văn Khang	11/11/2000	Nam	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001829	201/TCN-2018
569	Nguyễn Thị Khuyến	07/09/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001830	202/TCN-2018
570	Nguyễn Thị Thùy Ly	08/11/1999	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001831	203/TCN-2018
571	Nguyễn Thị Mến	12/12/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001832	204/TCN-2018
572	Hoàng Thị Mỹ	13/07/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001833	205/TCN-2018
573	Nguyễn Thị Mỹ	09/11/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001834	206/TCN-2018
574	Vũ Thị Nga	11/04/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001835	207/TCN-2018
575	Vũ Thị Ngân	22/02/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001836	208/TCN-2018
576	Cao Minh Phương	31/07/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001837	209/TCN-2018
577	Trần Văn Thìn	11/10/2000	Nam	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001838	210/TCN-2018
578	Nguyễn Văn Trường	04/11/2000	Nam	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001839	211/TCN-2018
579	Lê Xuân Vương	29/05/2000	Nam	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001840	212/TCN-2018
580	Nguyễn Thị Lan Anh	02/01/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001841	213/TCN-2018
581	Phạm Thị Vân Anh	15/11/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001842	214/TCN-2018
582	Lê Thị Minh Châu	02/02/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001843	215/TCN-2018
583	Đỗ Thị Hà Giang	28/05/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001844	216/TCN-2018
584	Lý Thị Hằng	25/10/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001845	217/TCN-2018
585	Nguyễn Thị Học	27/12/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001846	218/TCN-2018
586	Trần Thị Phương Huế	05/09/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001847	219/TCN-2018
587	Vũ Thị Thu Hương	28/08/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001848	220/TCN-2018
588	Nguyễn Thanh Lam	07/08/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001849	221/TCN-2018
589	Nguyễn Thị Bạch Lan	04/11/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001850	222/TCN-2018
590	Lê Thị Loan	16/10/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001851	223/TCN-2018
591	Vũ Thị Thúy My	05/10/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001852	224/TCN-2018
592	Nguyễn Thị Lan Phương	11/09/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001853	225/TCN-2018
593	Đặng Thị Diệu Quỳnh	07/10/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001854	226/TCN-2018
594	Hoàng Thị Bích Thủy	06/10/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001855	227/TCN-2018
595	Lưu Thị Thủy	09/07/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001856	228/TCN-2018
596	Hoàng Thanh Xuân	07/06/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001857	229/TCN-2018
597	Đào Thị Hải Yến	24/12/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001858	230/TCN-2018
598	Nguyễn Tuấn Anh	02/01/2000	Nam	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001859	231/TCN-2018
599	Nguyễn Tuấn Anh	06/10/2000	Nam	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình	15/06/2018	A0001860	232/TCN-2018
600	Lê Thị Bích	24/11/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001861	233/TCN-2018

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Ngành/Nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Ngày tháng năm cấp bằng TN	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng tốt nghiệp
601	Hoàng Việt Dũng	31/12/1999	Nam	Cao Bằng	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001862	234/TCN-2018
602	Vương Thị Duyên	13/05/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001863	235/TCN-2018
603	Hoàng Hồng Diệp	15/01/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001864	236/TCN-2018
604	Đào Thị Hải Hà	24/01/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001865	237/TCN-2018
605	Nguyễn Thị Hồng Hải	31/03/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001866	238/TCN-2018
606	Đào Văn Hào	21/05/2000	Nam	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001867	239/TCN-2018
607	Trần Xuân Hiệp	28/05/2000	Nam	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình	15/06/2018	A0001868	240/TCN-2018
608	Nguyễn Đức Hiếu	12/04/2000	Nam	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001869	241/TCN-2018
609	Nguyễn Hồng Hoa	29/11/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001870	242/TCN-2018
610	Trần Thị Hoan	18/05/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001871	243/TCN-2018
611	Tạ Văn Hoàn	05/02/2000	Nam	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Trung bình	15/06/2018	A0001872	244/TCN-2018
612	Trần Thị Hồng	27/10/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001873	245/TCN-2018
613	Vũ Thị Bích Huệ	30/10/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001874	246/TCN-2018
614	Nguyễn Văn Huệ	20/11/2000	Nam	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001875	247/TCN-2018
615	Nguyễn Thị Liên	17/09/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001876	248/TCN-2018
616	Đào Hoài Nam	03/07/2000	Nam	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001877	249/TCN-2018
617	Đào Thị Kim Oanh	10/03/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001878	250/TCN-2018
618	Đào Như Phúc	13/11/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001879	251/TCN-2018
619	Đặng Thị Thu Phương	26/06/1999	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001880	252/TCN-2018
620	Hoàng Thị Phương	14/06/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001881	253/TCN-2018
621	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	17/07/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001882	254/TCN-2018
622	Vương Thị Như Quỳnh	01/08/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001883	255/TCN-2018
623	Nguyễn Thái Sơn	11/12/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001884	256/TCN-2018
624	Hồ Thị Phương Thảo	27/08/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001885	257/TCN-2018
625	Vũ Hồng Thiết	25/11/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001886	258/TCN-2018
626	Tưởng Duy Thìn	05/09/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001887	259/TCN-2018
627	Đào Thị Thu	01/06/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001888	260/TCN-2018
628	Vũ Thị Thu	03/01/1999	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001889	261/TCN-2018
629	Đào Thị Thúy	01/12/1999	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001890	262/TCN-2018
630	Lê Thị Thương	17/08/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001891	263/TCN-2018
631	Vương Thị Trang	01/11/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001892	264/TCN-2018
632	Nguyễn Thị Thu Trang	07/12/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001893	265/TCN-2018
633	Đào Văn Trường	09/10/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001894	266/TCN-2018
634	Nguyễn Anh Tú	09/07/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001895	267/TCN-2018
635	Nguyễn Ngọc Tuyền	27/11/1999	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001896	268/TCN-2018
636	Quách Thị ánh Tuyết	11/10/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001897	269/TCN-2018
637	Mai Thị Tuyết	29/09/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001898	270/TCN-2018
638	Tạ Thị Như ý	24/08/1999	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001899	271/TCN-2018
639	Tạ Phương Anh	11/12/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001900	272/TCN-2018
640	Trương Thị ánh	04/10/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001901	273/TCN-2018
641	Hoàng Văn Đại	31/12/2000	Nam	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001902	274/TCN-2018
642	Trần Thị Hà	30/11/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001903	275/TCN-2018
643	Nguyễn Thúy Hằng	30/10/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001904	276/TCN-2018
644	Phạm Thị Hoa	05/03/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001905	277/TCN-2018
645	Vương Thị Hòa	13/07/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Giỏi	15/06/2018	A0001906	278/TCN-2018
646	Nguyễn Thị Thu Huyền	10/12/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001907	279/TCN-2018
647	Phạm Thị Huyền	29/09/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001908	280/TCN-2018
648	Nguyễn Thị Lan Hương	20/08/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001909	281/TCN-2018
649	Bùi Quang Lâm	08/09/2000	Nam	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001910	282/TCN-2018
650	Phan Thị Mỹ Linh	25/05/1999	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001911	283/TCN-2018

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Ngành/Nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Ngày tháng năm cấp bằng TN	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng tốt nghiệp
651	Hoàng Thị Ngân	07/01/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001912	284/TCN-2018
652	Lương Thanh Nhân	05/09/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001913	285/TCN-2018
653	Bùi Thị Ninh	01/08/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001914	286/TCN-2018
654	Chu Thị Phụng	15/10/1999	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001915	287/TCN-2018
655	Trần Thị Như Quỳnh	14/07/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001916	288/TCN-2018
656	Nguyễn Thị Trang	07/02/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001917	289/TCN-2018
657	Nguyễn Thu Trang	27/12/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001918	290/TCN-2018
658	Phạm Hữu Văn	17/09/2000	Nam	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001919	291/TCN-2018
659	Bùi Thị Xuyên	17/10/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001920	292/TCN-2018
660	Đặng Thị Hải Anh	23/07/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001921	293/TCN-2018
661	Nguyễn Thị ánh	12/05/1998	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001922	294/TCN-2018
662	Luyện Ngọc Bích	12/11/1999	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001923	295/TCN-2018
663	Nguyễn Thủy Dương	21/08/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Giỏi	15/06/2018	A0001924	296/TCN-2018
664	Lê Thị Đào	29/01/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001925	297/TCN-2018
665	Bùi Thị Hà	24/07/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001926	298/TCN-2018
666	Đặng Thị Hằng	19/10/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001927	299/TCN-2018
667	Nguyễn Thị Ngọc Khuyên	21/02/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001928	300/TCN-2018
668	Nguyễn Thị Lệ	13/04/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001929	301/TCN-2018
669	Bùi Thị Linh	25/09/1997	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Giỏi	15/06/2018	A0001930	302/TCN-2018
670	Đỗ Thùy Linh	11/11/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001931	303/TCN-2018
671	Nguyễn Văn Linh	15/08/2000	Nam	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001932	304/TCN-2018
672	Chu Thị Hồng Ngọc	01/09/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Giỏi	15/06/2018	A0001933	305/TCN-2018
673	Trần Thị Phụng	18/01/2000	Nữ	Thái Bình	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001934	306/TCN-2018
674	Nguyễn Hồng Sơn	30/08/2000	Nam	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001935	307/TCN-2018
675	Nguyễn Thị Thanh Tâm	01/08/1999	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001936	308/TCN-2018
676	Vũ Thị Thêu	09/10/1997	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Giỏi	15/06/2018	A0001937	309/TCN-2018
677	Nguyễn Thị Thiều	08/10/1999	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001938	310/TCN-2018
678	Chu Thị Thủy	13/10/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001939	311/TCN-2018
679	Lưu Thu Trang	29/10/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001940	312/TCN-2018
680	Trần Thị Thanh Tuyền	07/08/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	TB Khá	15/06/2018	A0001941	313/TCN-2018
681	Đào Thị Tuyết	02/02/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001942	314/TCN-2018
682	Phạm Hải Yến	12/08/2000	Nữ	Hưng Yên	May thời trang	Trung cấp	Chính quy	2018	Khá	15/06/2018	A0001943	315/TCN-2018